

KẾ HOẠCH

thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh

Ngày 11 tháng 02 năm 2020, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 55-NQ/TW về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 55), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn tỉnh về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của ngành năng lượng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương.

2. Các cấp ủy chỉ đạo quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 55 của Bộ Chính trị để triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị, địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Cung cấp đủ nhu cầu năng lượng đáp ứng cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái; sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng hệ thống hạ tầng năng lượng phát triển đồng bộ, hiện đại.

2. Mục tiêu cụ thể

- Cung cấp đủ nhu cầu năng lượng điện, xăng, dầu, khí hóa lỏng của tỉnh, đáp ứng cho các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021 – 2030. Dự kiến đến năm 2030, công suất cực đại $P_{max} = 148$ MW, điện thương phẩm 609,5 triệu kWh; tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2021 - 2030 là 10%/năm; nhu cầu về xăng, dầu, khí hóa lỏng quy đổi tương đương khoảng 63,5 nghìn TOE; tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2021 - 2030 là 5%/năm.

- Tổng công suất các nguồn năng lượng tái tạo đến năm 2030 đạt khoảng 57,3MW, sản lượng điện đạt khoảng 194,47 triệu kWh, trong đó thủy điện vừa và nhỏ dự kiến đạt khoảng 55,3 MW, sản lượng điện đạt khoảng 191,67 triệu kWh; điện mặt trời dự kiến đạt khoảng 2 MW, sản lượng điện đạt khoảng 2,8 triệu kWh.

- Xây dựng hệ thống lưới điện đồng bộ để vận hành hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực, bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng tiêu chí N-1 (*N-1 là tiêu chí đảm bảo khi có sự cố một phần tử xảy ra trong hệ thống điện hoặc khi một phần tử tách khỏi vận hành để bảo dưỡng, sửa chữa thì hệ thống điện vẫn vận hành ổn định, đáp ứng các tiêu chuẩn vận hành, giới hạn vận hành cho phép và cung cấp điện an toàn, liên tục*) đối với các khách hàng sử dụng điện quan trọng được cấp điện theo thứ tự ưu tiên trên địa bàn tỉnh (phụ tải loại I do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo từng thời kỳ).

- Tỷ lệ tiết kiệm năng lượng trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với kịch bản phát triển bình thường theo yêu cầu giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 5-7%.

- Giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động năng lượng so với kịch bản phát triển bình thường, góp phần hoàn thành chỉ tiêu chung cả nước (chỉ tiêu phát thải năng lượng trung bình toàn quốc là 15% vào năm 2030, 20% vào năm 2045).

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Đảm bảo an ninh năng lượng; hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường năng lượng cạnh tranh, minh bạch, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; hệ thống hạ tầng năng lượng phát triển đồng bộ, hiện đại, khả năng kết nối khu vực được nâng cao.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển các nguồn cung năng lượng sơ cấp theo hướng tăng cường khả năng tự chủ, đa dạng hoá, bảo đảm tính hiệu quả, tin cậy và bền vững

Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò đánh giá các cấp trữ lượng năng lượng sơ cấp trên địa bàn; khuyến khích và thúc đẩy phát triển các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hoá thạch. Khuyến khích sử dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời cho phát điện; đầu tư xây dựng các nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn. Kịp thời nắm bắt thông tin, nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào phát triển năng lượng phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

2. Phát triển nhanh và bền vững các nguồn năng lượng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh

2.1. Phát triển nhanh và bền vững các nguồn cung cấp điện với cơ cấu và phân bố hợp lý, bảo đảm an toàn, tin cậy, ổn định, chú trọng nâng cao hệ số công suất khả dụng và có dự phòng công suất phù hợp; đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái. Trong đó:

- *Đối với thủy điện:* Sử dụng có hiệu quả các nguồn thủy điện hiện có; bổ sung quy hoạch, phát triển một số thủy điện nhỏ; nghiên cứu triển khai xây dựng thủy điện tích năng.

- *Đối với điện gió và điện mặt trời:* Nghiên cứu phát triển phù hợp với tiềm năng địa phương và giá thành điện năng hợp lý; khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái và trên mặt nước tại những địa điểm, khu vực phù hợp.

- *Đối với điện sinh khối, rác thải và chất thải rắn:* Nghiên cứu, khuyến khích triển khai nguồn điện sinh khối đồng phát, các nguồn điện từ rác thải đô thị, chất thải rắn và sinh khối.

2.2. Đầu tư hiện đại hoá ngành điện từ khâu sản xuất, truyền tải đến phân phối đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường điện, có khả năng tích hợp quy mô lớn nguồn năng lượng tái tạo; nâng cao khả năng bảo đảm an ninh mạng lưới và chất lượng dịch vụ điện. Tích cực thực hiện các chương trình quản lý nhu cầu điện và điều chỉnh phụ tải; quản lý chặt chẽ cường độ tiêu thụ và giảm thiểu tối đa tổn thất điện năng.

2.3. Căn cứ vào các quy định của nhà nước, nghiên cứu phát triển các nhà máy điện sản xuất tại chỗ, tự cung cấp trong các khu, cụm công nghiệp... cơ chế hợp đồng mua bán điện trực tiếp giữa nhà sản xuất và khách hàng tiêu thụ, cơ chế đấu thầu, đấu giá cung cấp năng lượng phù hợp, đặc biệt trong các dự án đầu tư năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

3. Phát triển hạ tầng năng lượng bền vững, kết nối khu vực; cơ cấu lại các ngành tiêu thụ năng lượng song song với việc thực hiện chính sách về sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm và hiệu quả

3.1. Nghiên cứu ban hành chính sách đầu tư phát triển hạ tầng năng lượng bền vững đảm bảo đồng bộ với các quy định của pháp luật hiện hành; xác định danh mục hạ tầng năng lượng có thể dùng chung và xây dựng cơ chế dùng chung phù hợp với cơ chế thị trường. Xoá bỏ mọi độc quyền, rào cản bất hợp lý trong sử dụng cơ sở vật chất và dịch vụ hạ tầng năng lượng. Thực hiện xã hội hoá tối đa trong đầu tư, khai thác và sử dụng cơ sở vật chất, dịch vụ ngành năng lượng. Xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia về phát triển hạ tầng năng lượng thông minh; hoàn thiện cơ chế, xây dựng cơ sở dữ liệu, thực hiện thống kê năng lượng quốc gia phục vụ công tác quản lý, điều hành hiệu quả ngành năng lượng.

3.2. Có chính sách khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp tiêu thụ ít năng lượng và có hiệu quả về kinh tế - xã hội; rà soát, điều chỉnh phân bố các nguồn tiêu thụ năng lượng kết hợp chặt chẽ với phân bố lại không gian phát triển công nghiệp và đô thị trên địa bàn tỉnh.

3.3. Rà soát lại các lĩnh vực sản xuất tiêu thụ năng lượng trên địa bàn; thực hiện nghiêm các giải pháp nâng cao hiệu suất để đảm bảo định mức tiêu hao năng lượng theo Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả giai

đoạn 2020 - 2030 và Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Triển khai áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài về sử dụng hiệu quả năng lượng đối với những lĩnh vực, ngành và sản phẩm có mức tiêu thụ năng lượng cao. Có chính sách khuyến khích các hộ sử dụng năng lượng sạch, tái tạo, nhất là trong công nghiệp và giao thông.

4. Đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa; khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia xã hội hoá phát triển năng lượng

4.1. Phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông giữa các phân ngành điện, than, dầu khí và năng lượng tái tạo, kết nối với thị trường khu vực, quốc gia; không thực hiện bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng, giữa các vùng, miền. Khuyến khích các dự án đầu tư năng lượng theo hình thức đối tác công tư (PPP). Thực hiện chính sách tín dụng linh hoạt, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp năng lượng tiếp cận các nguồn vốn, đặc biệt là các doanh nghiệp có dự án năng lượng xanh.

4.2. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng các chiến lược, quy hoạch phát triển năng lượng, đặc biệt trong phân ngành điện, bảo đảm tính ổn định, đồng bộ và linh hoạt, gắn kết với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và một số ngành khác.

4.3. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng, trọng tâm là các dạng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh, tiết kiệm năng lượng; từng bước áp dụng các biện pháp khuyến khích và bắt buộc đổi mới công nghệ, thiết bị trong ngành năng lượng cũng như những ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều năng lượng.

4.4. Công khai quy hoạch, danh mục các dự án đầu tư, xoá bỏ mọi rào cản để thu hút, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, phát triển các dự án năng lượng, chú trọng những dự án phát điện và các hoạt động bán buôn, bán lẻ điện theo cơ chế thị trường. Khuyến khích, thu hút đầu tư nước ngoài có quy mô, chất lượng và hiệu quả cho ngành năng lượng; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính để thu hút đầu tư, bảo đảm tiến độ các công trình năng lượng.

5. Thực thi chính sách bảo vệ môi trường ngành năng lượng gắn với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững

5.1. Tăng cường thông tin tuyên truyền đầy đủ, kịp thời về công tác bảo vệ môi trường trong ngành năng lượng. Thực hiện nghiêm túc pháp luật về bảo vệ

môi trường tại các công trình, dự án năng lượng; tăng cường phòng ngừa, kiểm soát các đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn môi trường theo quy định.

5.2. Xây dựng và triển khai Đề án tích hợp mô hình kinh tế tuần hoàn vào chiến lược phát triển các doanh nghiệp năng lượng. Phát triển hệ thống quản lý và xử lý chất thải trong sản xuất năng lượng với công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; bảo đảm năng lực tự xử lý các nguồn thải trong các doanh nghiệp năng lượng. Có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp môi trường gắn với ngành năng lượng.

6. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong phát triển ngành năng lượng

6.1. Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, cả hệ thống chính trị và nhân dân trên địa bàn tỉnh về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của ngành năng lượng; xác định phát triển năng lượng là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt cần lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc.

6.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành và thực thi nghiêm túc các quy định pháp luật về năng lượng. Thực hiện tốt vai trò định hướng, xây dựng chính sách gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ thực hiện.

6.3. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân; mở rộng sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các đối tượng chịu tác động của chính sách vào quá trình xây dựng, giám sát thực hiện chiến lược, quy hoạch và chính sách phát triển năng lượng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc; các đảng đoàn, ban cán sự đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức hội, đoàn thể nhân dân xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 55 của Bộ Chính trị và cụ thể hóa việc thực hiện Kế hoạch này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị. Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị truyền thông trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 55 của Bộ Chính trị đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa Kế hoạch này thành các chương trình, kế hoạch để thực hiện. Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện để đáp ứng yêu cầu đề ra; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

Bản giấy:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng
- Văn phòng TW, Ban Kinh tế TW } (thay b/c),

Bản giấy và điện tử:

- Các huyện, thành ủy, ĐUTT,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể tỉnh, } (th/hiện)
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



[Handwritten signature]

Hoàng Duy Chinh